

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3982/TTr-SKHĐT ngày 22/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Tổ chức niêm yết công khai thực hiện đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp cùng Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố khẩn trương xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để xây dựng quy trình điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt **trước ngày 14/9/2024**.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế thủ tục hành chính tại mục II, phần A lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã. Các thủ tục hành chính tại mục IV, Phần B lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã ban hành kèm theo Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TT.CNTTTT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, PVHCC. CT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Minh Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI (CẤP HUYỆN)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	03 ngày làm việc	Bộ Tiếp nhận và giao trả kết quả cấp huyện	- Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: 30.000 đồng. - Đối với tổ hợp tác: Không thu lệ phí.	- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2.	Đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	-N như trên-	-N như trên-	- Không quy định đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. - Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác.	-N như trên-
3.	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã	-N như trên-	-N như trên-	Không thu lệ phí	-N như trên-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023				
4.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
5.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
6.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
7.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
8.	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
9.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-Nhu trên-	-Nhu trên-	Không quy định	-Nhu trên-
10.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	-Nhu trên-	-Nhu trên-	Không thu lệ phí	-Nhu trên-
11.	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-Nhu trên-	-Nhu trên-	Không quy định	-Nhu trên-
12.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
13.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp	-Nhu trên-	-Nhu trên-	30.000 đồng	-Nhu trên-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tác xã				
14.	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-
15.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (CẤP HUYỆN)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	03 ngày làm việc	Bộ Tiếp nhận và giao trả kết quả thuộc UBND cấp huyện	50.000 đồng	- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-
3.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	-N như trên-	-N như trên-	30.000 đồng	-N như trên-
4.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-
5.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-	-N như trên-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập				
6.	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-Nhu trên-	-Nhu trên-	Không quy định	-Nhu trên-
7.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-Nhu trên-	-Nhu trên-	30.000 đồng	-Nhu trên-
8.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	-Nhu trên-	-Nhu trên-	Không quy định	-Nhu trên-
9.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-Nhu trên-	-Nhu trên-	30.000 đồng	-Nhu trên-
10.	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-Nhu trên-	-Nhu trên-	Không quy định	-Nhu trên-
11.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
I.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
1.	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-
4.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-
5.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	-N như trên-
6.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	-N như trên-
7.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	-N như trên-
8.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	-N như trên-
9.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	-N như trên-
10.	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-
11.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-
12.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-
13.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại	-N như trên-

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
	diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
14.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-
15.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	-N như trên-
II.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
1.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	
3.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	
4.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	
5.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	